

Bản án số: **124** /2019/HS-PT

Ngày: 22-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Ông **Trần Minh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành An**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 328/2018/TLPT-HS ngày 08 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo **Y** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo và những người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HS-ST ngày 30- 8- 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Họ và tên : **Y** (Tên gọi khác: **A**); sinh ngày 14/9/1970 tại tỉnh Hòa Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi phạm tội: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B; dân tộc: Ê Đê; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Công an tỉnh Đắk Lắk – là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 23/12/2016; con ông: **Y Blók K** và bà **Đào Thị V** (đều đã chết); bị cáo có vợ là **Trương Thị H** (đã ly hôn năm 2016) và 02 con: con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/02/2017; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Luật sư **Phạm Hàn L** – Văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Những người bị hại có kháng cáo:

1. Ông **Y Cha K**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
2. Ông **Phan T**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
3. Ông **Hoàng Văn T1**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
4. Ông **Y Thiêm K1**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
5. Bà **Từ Thị Lan H**, ông **Nguyễn Thanh H**; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
6. Ông **Nguyễn Mạnh A**; địa chỉ: tỉnh Đắk Nông
7. Ông **Nông Trung K2**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
8. Ông **Nông Hữu T2**, bà **Lãnh Thị N**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
9. Bà **Đinh Thị H1**; địa chỉ: tỉnh Kon Tum.
10. Ông **Khúc Ka L**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
11. Ông **Phùng Văn T3**, bà **Nông Thị O**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Luật sư Vũ Trọng T.
12. Ông **Mạc Sỹ C**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
13. Ông **Hoàng Văn K3**, bà **Lục Thị T**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
14. Ông **Nông Tô N**, bà **Lãnh Thị N**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk
15. Bà **Võ Thị O1**; địa chỉ: Đắk Lắk. Địa chỉ liên hệ: thành phố B, Đắk Lắk.
16. Bà **Ngô Thị Minh C**; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
17. Ông **Nguyễn Ngọc O**, bà **Võ Thị H2**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk
18. Bà **Trần Thị S**; địa chỉ: tỉnh Đắk Nông.
19. Ông **Lê Tài D**; địa chỉ: tỉnh Đắk Nông.
20. Bà **Lê Thị S1**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
21. Ông **Y Riăng M** (tên gọi khác: Ama T); địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
22. Ông **Nguyễn Văn L**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
23. Ông **Trần Văn T4**, bà **Nguyễn Thị T**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
24. Ông **Lê Đình T5**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
25. Ông **Phạm Văn M1**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.
26. Bà **Nguyễn Thị H2**; địa chỉ: tỉnh Gia Lai.
27. Bà **Trần Thị Thanh H3**; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị.

28. Ông **Mai Văn T6**; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Đào Đình T7**; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà **Trương Thị H4**; địa chỉ: Tổ dân phố 7, P. T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 35 người bị hại và 55 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2012 đến tháng 4/2014, Y công tác và giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Kỹ thuật nghiệp vụ (PA71) Công an tỉnh Đắk Lắk và từ tháng 5/2014 đến tháng 8/2016 Y công tác và giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội (PC64) Công an tỉnh Đắk Lắk, mặc dù không có khả năng xin cho người khác được vào học tại các Trường của Ngành Công an, vào công tác trong ngành Công an và xin chuyển công tác từ đơn vị này đến đơn vị khác, nhưng Y đã đưa ra thông tin gian dối là: “*bản thân quen biết với lãnh đạo Bộ Công an, nên có khả năng xin vào học tại: Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, tại tỉnh Quảng Nam; Trường văn hoá 3, Bộ Công an, tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và vào làm việc trong lực lượng Công an các tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hoà, Công an phòng cháy chữa cháy tỉnh Đắk Lắk; chuyển vào chuyên nghiệp trong lực lượng Công an nhân dân và chuyển công tác từ đơn vị này đến đơn vị khác*”; đồng thời, Y còn giới thiệu bản thân mang cấp hàm Thượng tá và lấy danh nghĩa Phó Trưởng Phòng PA71, Phó Trưởng Phòng PC64 Công an tỉnh Đắk Lắk để những người bị hại tin tưởng giao tiền rồi chiếm đoạt. Số tiền nhận được từ các bị hại Y sử dụng một phần để trả nợ cho những người mà Y đã nhận tiền, nợ tiền trước đó và sử dụng vào mục đích cá nhân; các hồ sơ liên quan đến xin việc, xin đi học Y đã đem tiêu hủy. Bằng thủ đoạn trên, Y đã chiếm đoạt tiền của các bị hại sau:

1. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T8 số tiền 125.000.000đ; Chiếm đoạt của ông Nguyễn Tiến L số tiền 135.000.000đ.

Đầu năm 2013, ông T8 nhờ Y xin cho con gái là cháu Nguyễn Thị Lan vào công tác tại Công an tỉnh Đắk Lắk. Cũng trong thời gian này, thông qua ông T8 ông Nguyễn Tiến L cũng nhờ Y xin cho con trai là Nguyễn Tuấn V vào công tác tại Công an tỉnh Đắk Lắk.

Đầu tháng 10/2013, Y nói với ông T8 là sắp ra Bộ Công an để xin việc cho chị L và anh V, chi phí xin việc mỗi suất từ 200.000.000đ đến 300.000.000đ. Ngày 14/10/2013, tại phòng làm việc của Y, ông T8 đưa số tiền 110.000.000đ, ông L đưa số tiền 120.000.000đ cho Y để nhờ xin việc, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận v/v vay mượn tiền*”. Đến tháng 4/2014, Y nói với ông T8 là mỗi trường hợp đưa thêm cho Y số tiền 15.000.000đ để Y ra Hà Nội lấy quyết định; ông T8 và ông L mỗi người bỏ 15.000.000đ, tổng cộng là 30.000.000đ rồi đưa cho Y, khi đưa tiền không viết giấy biên nhận.

Sau khi nhận của ông Nguyễn Văn T8 số tiền 125.000.000đ và của ông Nguyễn Tiến L số tiền 135.000.000đ, Y đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

2. Chiếm đoạt của bà Lê Thị C số tiền 240.000.000đ.

Do có nhu cầu xin việc cho anh Nguyễn Văn D là con trai của bà C vào công tác tại Công an tỉnh Đắk Lắk, nên ngày 26/6/2014, bà C đã đưa cho Y 200.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận*”, hẹn đến tháng 10/2014 anh D có quyết định đi làm. Từ tháng 8/2014 đến đầu năm 2015, Y nói với bà C đưa thêm 03 lần tiền, tổng cộng là 40.000.000 đồng để Y ra Hà Nội lo việc cho anh D, khi đưa tiền có 01 lần viết “*Giấy biên nhận*” thể hiện ngày 05/8/2014, Y tạm ứng 20 triệu đồng, hẹn đến tháng 10/2014 sẽ hoàn trả, 02 lần không viết giấy biên nhận.

Số tiền 240.000.000đ nhận từ bà Lê Thị C, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

3. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Phi L số tiền 200.000.000đ.

Y giới thiệu với anh Nguyễn Phi L mình là Phó Trưởng Phòng PC64 Công an tỉnh Đắk Lắk, có mối quan hệ quen biết với lãnh đạo Bộ Công an và hứa sẽ xin được cho anh L vào công tác tại cơ quan Cảnh sát PCCC tỉnh Đắk Lắk. Ngày 03/7/2014, anh Nguyễn Bá T cùng anh L đến phòng làm việc của Y, tại đây anh L đưa số tiền 200.000.000đ cho Y, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, hẹn 03 tháng sẽ lo xong việc.

Số tiền 200.000.000đ nhận từ anh Nguyễn Phi L, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

4. Chiếm đoạt của ông Lê Tài D số tiền 424.000.000đ.

Tháng 7/2014, chị Hoàng Thị Minh H dẫn ông Lê Tài D (*bố của Lê Thanh Đ*) và Đ đến phòng làm việc của Y; tại đây, Y nói có người quen ở Bộ Công an và nhận xin cho anh Đ được đi học tại Trường Trung cấp Cảnh sát V, anh Đ đã đưa số tiền 300.000.000 đồng cho Y, khi đưa tiền có viết “*Giấy nhận tiền*”. Sau đó ông D tiếp tục nhờ Y xin cho con trai là Lê Hoài N được vào học Trường Văn hóa 3, Bộ Công an; Y đưa ra chi phí xin đi học là 300.000.000đ. Ngày 13/7/2014,

tại phòng làm việc của Y, ông D đưa cho trước cho Y 100.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy nhận tiền*”. Đến tháng 2/2015, do không thấy có quyết định đi học cho Đức nên ông D đòi lại tiền, Y đã nhờ anh Y Bình N mang 300.000.000đ đến trả lại cho ông D. Đầu tháng 4/2015, Y nói ông D mang tiền lên để lo cho Đ đi học; ngày 24/4/2015, ông D đưa cho Y 300.000.000đ để nhờ xin cho Đ đi học tại Trường trung cấp Cảnh sát nhân dân V, khi đưa tiền có viết “*Giấy nhận tiền*”, hẹn 01 tháng sẽ giải quyết xong việc. Tháng 5/2015, Y nói ông D đưa cho thêm 30.000.000đ để lo việc đi học cho Đ và N; tuy nhiên, anh D chỉ đưa cho Y số tiền 24.000.000đ, khi đưa tiền không viết giấy biên nhận.

Số tiền 424.000.000đ nhận của ông Lê Tài D, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

5. Chiếm đoạt của bà Phan Thị H số tiền 200.000.000đ.

Năm 2014, Y nói với anh Lê Trung K là có người thân nào muốn xin vào Công an tỉnh Đắk Lắk thì Y sẽ xin cho; anh K có nói lại nội dung trên cho chị gái là Lê Thị T nghe, sau đó chị T nói với bà Phan Thị H, nên bà H đã nhờ chị T xin giúp cho con là anh Nguyễn Văn D vào công tác trong lực lượng Công an tỉnh Đắk Lắk. Tháng 8/2014, bà H đưa số tiền 200.000.000đ cho chị T để nhờ lo việc cho Dũng, khi đưa tiền không viết giấy biên nhận; sau khi nhận tiền, chị T đã đưa toàn bộ số tiền trên cho anh K để nhờ Y nhờ xin cho anh D. Cũng trong tháng 8/2014, tại phòng làm việc của Y, anh K đã đưa số tiền 200.000.000đ cho Y, khi đưa tiền không viết giấy biên nhận, Y hẹn 3 đến 4 tháng thì có quyết định đi làm.

Số tiền 200.000.000đ của bà Phan Thị H, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 723-736)

6. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc O bà Võ Thị H2 số tiền 400.000.000đ

Thông qua anh C thì ông O và bà H2 biết bà Võ Thị H và được bà H nhận giúp gặp người có khả năng xin cho Nguyễn Ngọc H (*con trai của Oanh và H*) chuyển vào chuyên nghiệp trong lực lượng Công an.

Khoảng cuối năm 2014, bà H gọi điện thoại nhờ Y xin cho anh H chuyển vào chuyên nghiệp trong lực lượng Công an thì Y nhận lời giúp. Sau đó gia đình ông O đã đưa cho bà H số tiền 350.000.000đ; bà H giao lại số tiền này cho Y, khi đưa tiền không viết giấy biên nhận. Một thời gian sau, Y tiếp tục yêu cầu gia đình ông O đưa thêm 50.000.000đ để nhờ làm thủ tục xóa án tích cho ông O, vì nếu ông O được xóa án tích về tội “*Đánh bạc*” thì anh H mới được chuyển vào chuyên nghiệp trong lực lượng Công an. Khoảng tháng 6/2015, anh H cùng bà H2, bà H đi đến đầu đường L, thành phố B để gặp Y, khi gặp bà H, anh H có đưa số tiền 50.000.000đ cho Y; lúc này Y đưa cho anh H tờ “*Giấy nhận tiền*” đã được

đánh máy sẵn, anh H điền nội dung là Y nhận của H 350.000.000đ (*đây là biên nhận cho số tiền đã đưa lần trước*).

Số tiền 400.000.000đ nhận từ Nguyễn Ngọc O và bà Võ Thị H2, Y chiếm đoạt tiêu xài hết. (BL 737-775)

7. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Hữu N số tiền 250.000.000đ.

Do ông Phan Đình S và ông Nguyễn Hữu N là hàng xóm, biết ông N có nhu cầu xin cho con trai là Nguyễn Hữu P vào công tác tại Công an tỉnh Đắk Lắk, nên ngày 01/12/2014 ông S dẫn ông N đến phòng làm việc của Y để nhờ xin việc cho anh P. Tại đây, Y yêu cầu ông N đưa trước số tiền 250.000.000đ và cam đoan đến tháng 4/2015 anh P sẽ có quyết định đi làm, lúc này để ông N tin tưởng, Y đã viết và đưa cho ông N tờ “*Đơn xin vào công tác trong lực lượng Công an*” ghi ngày 01/12/2014, rồi nhận số tiền 250.000.000đ của ông N, khi đưa tiền có làm “*Hợp đồng cho vay tiền*”, thời hạn đến tháng 4/2015.

Số tiền 250.000.000đ nhận từ ông Nguyễn Hữu N, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

8. Chiếm đoạt của ông Lê Hồng H số tiền 500.000.000đ.

Ngày 27/12/2014, ông Roh Lan C dẫn ông Lê Hồng H đến phòng làm việc của Y để nhờ xin cho chị Lê Thị Yến N là con gái ông H vào làm Kế toán của trường Văn hóa 3, Bộ Công an; sau khi thống nhất nội dung xin việc, ông H đưa cho Y 250.000.000đ, khi đưa tiền không viết giấy biên nhận. Ngày 23/01/2015, tại nhà ông H, Y tiếp tục nhận 250.000.000đ từ ông H để xin cho Lê Vũ Trung H con trai của ông H được đi học tại Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, hẹn 03 tháng thì H có quyết định đi học, khi giao tiền không viết giấy biên nhận.

Số tiền 500.000.000đ nhận từ ông Lê Hồng H, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

9. Chiếm đoạt của ông Vũ Văn K số tiền 1.380.000.000đ.

Do có nhu cầu nhờ Y xin cho con gái là Vũ Thị Hồng N vào làm việc tại Công an tỉnh Đắk Nông, nên ngày 13/01/2015, anh Nguyễn Hồng P dẫn ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H (vợ ông K) đến phòng làm việc của Y, sau khi thống nhất nội dung xin việc ông K đưa cho Y số tiền 200.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận ghi nợ tiền*”; ngày 21/01/2015, ông K và bà H đến phòng làm việc của Y đưa tiếp số tiền 100.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận*”. Tổng cộng ông K giao cho Y 300.000.000đ để xin việc cho N.

Ngoài ra, quá trình nhờ Y xin việc cho chị N, ông K đã nhận tiền từ nhiều người khác rồi đưa lại cho Y để nhờ xin cho con, em của họ đi học ở trường Công an, cụ thể:

- Ông K nhận của bà Trịnh Thị T số tiền 300.000.000đ để nhờ xin cho con gái bà T là Trần Thị Ngọc H vào làm việc tại Công an tỉnh Đắk Nông; nhận của ông D, nhà ở huyện K, tỉnh Đắk Lắk (*ông K không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của ông D*) 250.000.000đ để nhờ xin cho con ông D đi học trường Công an. Ngày 06/02/2015, tại phòng làm việc của Y, ông K đưa cho Y số tiền 550.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận giao nhận tiền*” do bà T in sẵn và hẹn tháng 5/2015 con bà T sẽ được đi làm và tháng 9/2015 con anh D được đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V.

- Ngày 01/02/2015, ông K cùng ông Nguyễn Quốc V đến phòng làm việc của Y, nhờ Y xin cho anh Nguyễn Quốc T là con ông V đi học trường Công an. Tại đây, ông V đưa cho Y số tiền 200.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, hẹn đến tháng 5/2015 sẽ lo được việc.

- Ông K nhận của bà Trần Thị X tổng số tiền 800.000.000đ để nhờ Y xin cho 2 con của bà X là Trần Quốc L vào học tại Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V và Trần Quốc H được vào học trường Đại học Cảnh sát nhân dân. Ngày 15/3/2015, ông K đến phòng làm việc của Y và đưa cho Y 250.000.000đ để xin cho anh L, khi đưa tiền có viết “*Biên bản giao nhận tiền*”, hẹn đến tháng 5/2015 sẽ lo được việc. Ngày 12/4/2015, ông K đến phòng làm việc của Y và đưa cho Y 280.000.000đ để xin cho anh H, khi đưa tiền có viết “*Biên bản giao nhận tiền*”; cũng trong ngày 12/4/2015, ông K tiếp tục đưa 200.000.000đ để nhờ Y xin cho con gái là Vũ Thị Khánh H vào học trường Đại học Cảnh sát nhân dân (*đây là số tiền còn lại của bà X*), khi đưa tiền có viết “*Biên bản giao nhận tiền*”.

Như vậy, Y đã nhận từ ông K tổng số tiền là 1.780.000.000đ; số tiền nhận từ ông K, Y sử dụng tiêu xài cá nhân và trả lại một phần cho tiền ông K, cụ thể là: Đến hẹn, các trường hợp đã nhờ không được đi làm, đi học ông K đòi tiền thì Y nhờ anh Y Bình N trả lại 1.200.000.000đ cho ông K, nên Y còn nợ ông K số tiền 580.000.000đ.

Ngày 13/11/2015, Y nói với ông K là các trường hợp trên đã xin được, ông K tin tưởng nên tiếp tục đưa cho Y 800.000.000đ để xin việc, xin đi học cho các trường hợp đã nhờ.

Như vậy, Y đã chiếm đoạt của ông K tổng số tiền 1.380.000.000đ.

10. Chiếm đoạt của ông Hoàng Văn K3 số tiền 300.000.000 đồng.

Vợ chồng ông Hoàng Văn K3 và bà Lục Thị T nhờ Y xin cho con trai là anh Hoàng Quốc C chuyển từ hệ công lập sang hệ chính quy của Trường Văn hóa 3, Bộ Công an. Ngày 14/3/2015, ông K3 và bà T cùng ông Đặng Văn N đến phòng làm việc của Y; qua trao đổi, Y đồng ý xin giúp và nhận số tiền 300.000.000đ từ ông K3, lúc này ông K3 đưa tờ “*Giấy giao tiền*” do ông N viết sẵn để Y điền thông tin vào, hẹn đến tháng 5/2015 sẽ được việc.

Số tiền 300.000.000đ nhận từ ông Hoàng Văn K3, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

11. Chiếm đoạt của ông Phạm Văn M1 số tiền 250.000.000 đồng và anh Nguyễn Thanh P số tiền 250.000.000 đồng.

Ông Phạm Văn M1 đặt vấn đề nhờ Y xin cho con trai là Phạm Phi L vào công tác trong Công an tỉnh Đắk Lắk, Y đồng ý và đưa ra chi phí xin việc là 250.000.000đ; ngày 26/3/2015, anh Hoàng Tiến Q dẫn ông M1 và bà Phan Thị C (vợ ông M1) đến phòng làm việc của Y; tại đây, ông M1 đưa 250.000.000đ cho Y để nhờ xin việc cho anh L, khi đưa tiền có viết “*Giấy nhận tiền*”, hẹn đến tháng 7/2015 sẽ có quyết định.

Cũng trong tháng 3/2016, ông M1 tiếp tục nhờ Y xin cho con rể là Nguyễn Thanh P vào công tác trong ngành Công an tỉnh Khánh Hòa; ngày 01/5/2016, Y đến nhà ông M1, tại đây anh P đưa cho Y số tiền 250.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, hẹn tháng 8/2016 anh P có quyết định.

Số tiền 250.000.000đ nhận từ ông Phạm Văn M1 và số tiền 250.000.000đ nhận từ anh Nguyễn Thành P, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

12. Chiếm đoạt của bà Lê Thị S1 số tiền 200.000.000 đồng.

Tháng 03/2015, thông qua anh Đào Đình T7, bà Lê Thị S1 nhờ anh T7 nói với Y xin cho con gái là Nguyễn Thị H T vào công tác tại Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tỉnh Đắk Lắk. Ngày 25/3/2015, chị S1 cùng anh T7 đến phòng làm việc của Y, Y giới thiệu với chị S1 về cấp bậc, chức vụ và nói có mối quan hệ với lãnh đạo Bộ Công an và nhận xin được cho chị T vào công tác tại Cảnh sát PCCC tỉnh Đắk Lắk. Ngày 26/3/2015, tại phòng làm việc của Y, bà S1 đưa cho Y số tiền 150.000.000đ và ngày 02/4/2015 bà S1 đưa tiếp số tiền 50.000.000đ; cả hai lần đưa tiền đều viết “*Giấy giao nhận tiền*”, thời hạn lo việc là 04 tháng.

Số tiền 200.000.000đ nhận từ bà Lê Thị S1, Y cho anh Đào Đình T7 nhiều lần với tổng số tiền 30.000.000đ (hiện anh T7 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra) và tiêu xài cá nhân hết. (BL 917-941)

13. Chiếm đoạt của ông Lê Đình T5 số tiền 250.000.000 đồng.

Năm 2015, thông qua anh Đào Đình T7 thì ông T5 biết và nhờ Y xin cho Lê Đình P (con trai ông T5) vào học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V. Ngày 22/7/2015, anh T7 dẫn ông T5 đến phòng làm việc của Y; tại đây, Y nhận xin cho P đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V với chi phí là 250.000.000đ. Ngày 23/7/2015, ông T5 cùng anh T7 đến phòng làm việc của Y

rồi đưa cho Y 250.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, nội dung xin đi học cho con ông T5, hẹn đến tháng 11/2015 sẽ được việc.

Số tiền 250.000.000đ nhận từ ông Lê Đình T5, Y cho anh Đào Đình T7 20.000.000đ (hiện anh T7 đã giao nộp số tiền này cho Cơ quan điều tra) và tiêu xài cá nhân hết. (BL 1105-1118)

14. Chiếm đoạt của anh Mai Xuân T số tiền 200.000.000 đồng.

Anh T là chiến sĩ nghĩa vụ thuộc Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Đắk Lắk. Tháng 4/2015, thông qua các mối quan hệ xã hội anh T biết và nhờ Y xin cho T được chuyển vào chuyên nghiệp trong lực lượng Công an tỉnh Đắk Lắk. Ngày 14/4/2015, anh T đến phòng làm việc của Y rồi đưa cho Y số tiền 200.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy nhận tiền*”, hẹn 03 tháng sẽ có quyết định.

Số tiền 200.000.000đ nhận từ anh Mai Xuân T, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 942-953)

15. Chiếm đoạt của ông Hoàng Văn T1 số tiền 250.000.000đ.

Thông qua ông YT thì ông T1 biết và được Y nhận xin cho con gái là Hoàng Vi N đi học tại Trường Văn hóa 3, Bộ Công an với chi phí là 250.000.000đ. Ngày 21/4/2015, ông YT cùng ông T1 và bà Vi Thị M (vợ ông T1) đến phòng làm việc của Y; tại đây, ông T1 đưa cho Y số tiền 170.000.000đ. Ngày 23/5/2015, ông YT cùng vợ chồng ông T1 đến phòng làm việc của Y đưa tiếp số tiền 80.000.000đ cho Y, cả hai lần đưa tiền đều viết “*Giấy nhận tiền*”, hẹn 05 tháng sẽ có quyết định đi học.

Số tiền 250.000.000đ nhận từ ông Hoàng Văn T1, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 954-965)

16. Chiếm đoạt của ông Ngô Văn Đ số tiền 350.000.000đ.

Thông qua sự giới thiệu của chị Huỳnh Thị H, anh Ngô Văn Đ (con trai ông Đ) biết và nhiều lần trao đổi với Y để nhờ xin cho chị Ngô Thị C (con gái ông Đ) vào công tác tại Công an tỉnh Đắk Lắk. Ngày 07/5/2015, ông Đ và anh Đ đến phòng làm việc của Y rồi ông Đ đưa cho Y số tiền 350.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy nhận tiền*”, hẹn 4 tháng có quyết định đi làm.

Số tiền 350.000.000đ nhận từ ông Ngô Văn Đ, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 966-988)

17. Chiếm đoạt của chị Tăng Thị Diệu L số tiền 100.000.000 đồng.

Y nhận xin cho chị Tăng Thị Trúc L là em gái của chị L vào làm kế toán của Trường Văn hóa 3, Bộ Công an, chi phí xin việc là 150.000.000đ. Ngày 14/5/2015, anh Cao Văn Khanh (chồng chị L) cùng chị L đến phòng làm việc

của Y để đưa trước số tiền 130.000.000đ xin việc cho chị Trúc L , nhưng Y chỉ nhận 100.000.000đ, hẹn ngày 20/8/2015 chị Trúc L có quyết định đi làm, khi đưa tiền không viết giấy biên nhận.

Số tiền 100.000.000đ nhận từ chị Tăng Thị Diệu L, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 989-1001)

18. Chiếm đoạt của ông Y Thiêm K1 số tiền 250.000.000 đồng.

Thông qua ông YT , thì ông Y Thiêm quen biết Y và nhờ Y xin giúp cho con là Y Doanh N được vào học tại Trường Văn hóa 3, Bộ Công an. Ngày 19/5/2015, ông YT cùng ông K1 đến phòng làm việc của Y và đưa cho Y số tiền 250.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận*” và ghi rõ nội dung là để xin đi học cho con ông K1, đồng thời hẹn đến tháng 10 sẽ được việc.

Số tiền 250.000.000đ nhận từ ông Y Thiêm K1, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1002-1014)

19. Chiếm đoạt của ông Y Cha K số tiền 250.000.000 đồng.

Năm 2015, thông qua ông YT mà ông K biết Y; sau đó, ông K nhờ Y xin cho con là Y Kam N vào học tại Trường Văn hóa 3, Bộ Công an, Y đồng ý xin giúp và đưa ra chi phí là 250.000.000đ. Ngày 21/6/2015, YT cùng K đến phòng làm việc của Y rồi K đưa cho Y số tiền 150.000.000đ, Y viết “*Giấy cam đoan*”, hẹn ngày 25/10/2015 Y Kam có quyết định đi học, còn số tiền 100.000.000đ Y nhờ YT nhận dùm từ K. Ngày 22/6/2015, sau khi nhận số tiền 100.000.000đ từ Y Cha, YT đã đưa số tiền này cho Y, việc giao nhận tiền không viết giấy biên nhận.

Số tiền 250.000.000đ nhận của ông Y Cha K, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1015-1025)

20. Chiếm đoạt của bà Trần Thị S số tiền 380.000.000 đồng.

Tháng 6/2015, thông qua chị Huỳnh Thị H mà bà Trần Thị S và con trai là Phạm Văn S biết Y; Y nói có khả năng xin cho anh S vào công tác trong lực lượng Công an nên bà S đã liên hệ, trao đổi với chị H về việc nhờ Y xin việc cho S. Ngày 27/6/2015, bà S, anh S đến Phòng PC64 gặp chị H rồi chị H dẫn đến phòng làm việc của Y; tại đây, bà S đưa cho Y số tiền 380.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy nhận tiền*”, cam kết sau 4 tháng anh S sẽ có quyết định đi làm.

Số tiền 380.000.000đ nhận từ bà Trần Thị S, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1026-1044)

21. Chiếm đoạt của bà Võ Thị O1 số tiền 200.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hoài N là bạn chị O1 có cháu là Hồ Sỹ T có nguyện vọng muốn vào làm việc trong Công an tỉnh Đắk Lắk nên chị N nhờ chị O1 xin giúp. Ngày 12/6/2015, chị N đưa cho chị O1 số tiền 50.000.000đ và ngày 29/6/2015 chị N đưa tiếp cho chị O1 số tiền 150.000.000đ để xin việc cho anh T. Ngày 30/6/2015, tại TP. B, chị O1 đưa cho Y 200.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận*”, cam kết sau 4 tháng anh T có quyết định đi làm.

Như vậy, Y đã chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ của bà Nguyễn Thị Hoài N thông qua bà Võ Thị O1. (BL 1045-1064)

22. Chiếm đoạt của ông Y Riăng M số tiền 300.000.000 đồng.

Thông qua ông YT thì ông Y Riăng M biết và được Y nhận xin cho anh Y Duyệt M con của ông M đi học tại Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, chi phí xin đi học là 300.000.000đ. Ngày 16/7/2015, ông M cùng ông YT đến phòng làm việc của Y, tại đây ông M đưa cho Y số tiền 300.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận*”, ghi rõ nội dung là xin đi học cho con ông Y Riăng M, hẹn đến tháng 10/2015 sẽ có quyết định.

Số tiền 300.000.000đ nhận từ ông Y Riăng M, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1065-1077)

23. Chiếm đoạt của ông Bùi Văn T số tiền 250.000.000 đồng.

Tháng 6/2015, Y nói với ông Trần Văn Đ, sinh năm 1962, trú tại Thôn 2, xã Ea Tu, TP. B là có con, cháu học xong Đại học hay Cao đẳng thì Y xin cho vào làm việc tại Công an tỉnh Đắk Lắk. Ông Đ đã nói lại nội dung trên cho bà Bùi Thị C, sinh năm 1971, trú tại TP. B biết, bà C tiếp tục nói nội dung trên cho ông Bùi Văn T nghe; sau đó ông T nhờ bà C xin cho con gái là Bùi Thị Hoài T, sinh năm 1991 vào làm việc tại Công an tỉnh Đắk Lắk, bà C lại nhờ ông Đ để nhờ Y xin việc cho chị T. Y đồng ý nhận xin giúp và đưa ra chi phí xin việc là 250.000.000đ; ngày 18/7/2015, ông T cùng ông Đ đến phòng làm việc của Y, tại đây ông T đưa trước số tiền 200.000.000đ, hẹn 01 tuần sau sẽ đưa số tiền 50.000.000đ còn lại, Y đồng ý và ghi “*Giấy nhận tiền*” thể hiện đã nhận đủ số tiền là 250.000.000đ, khoảng 01 tuần sau ông T đến phòng làm việc của Y đưa số tiền 50.000.000đ.

Số tiền 250.000.000đ nhận từ ông Bùi Văn T, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1078-1104)

24. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Tiến C số tiền 200.000.000 đồng

Y nhận xin cho anh Nguyễn Tiến T con trai ông C vào công tác trong ngành Công an với chi phí xin việc là 250.000.000đ. Ngày 07/8/2015, ông C cùng ông Lê Đình T đến phòng làm việc của Y và ông C đưa cho Y số tiền

200.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, nội dung đề xin việc cho T.

Số tiền 200.000.000đ nhận từ ông Nguyễn Tiên C, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1119-1135)

25. Chiếm đoạt của ông Trần Văn T4 số tiền 200.000.000 đồng

Tháng 8/2015, thông qua anh Hoàng Tiến Q thì ông T4 biết Y. Ngày 09/8/2015, ông T4 cùng con trai là Trần Đức T đến Phòng PC64 gặp anh Q, anh Q dẫn lên phòng làm việc gặp Y để nhờ xin việc cho anh T; khi gặp nhau, Y đồng ý nhận xin cho T vào làm lái xe của Công an tỉnh Đắk Lắk, chi phí xin việc là 200.000.000đ. Ngày 13/8/2015, ông T4 cùng bà Nguyễn Thị T (vợ ông T4) và anh T đến phòng làm việc của Y, tại đây bà T đưa cho Y số tiền 200.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận*”, hẹn ba tháng rưỡi sẽ có quyết định đi làm.

Số tiền 200.000.000đ nhận của ông Trần Văn T4, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1136-1150)

26. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Lương Đ số tiền 300.000.000đ

Tháng 6/2015, thông qua ông Lê Đình T thì ông Nguyễn Lương Đ biết và nhờ Y xin cho con trai là Nguyễn Ngọc S đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, Y đưa ra chi phí là 300.000.000đ. Ngày 19/8/2015, ông Đ cùng ông T đến phòng làm việc của Y, tại đây ông Đ đưa cho Y số tiền 300.000.000đ, khi đưa tiền có viết *Giấy biên nhận*.

Số tiền 300.000.000đ nhận từ ông Nguyễn Lương Đ, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1151-1159)

27. Chiếm đoạt của ông Mai Văn T6 số tiền 300.000.000 đồng.

Tháng 8/2015, thông qua ông Lê Đình T thì ông Mai Văn T6 biết và đến gặp Y để nhờ xin cho con là Mai Xuân A được đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, Y đồng ý xin giúp với chi phí là 300.000.000đ. Ngày 27/8/2015, ông T6 cùng ông T đến phòng làm việc của Y, tại đây ông T6 đưa cho Y số tiền 300.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận*”.

Số tiền 300.000.000đ nhận từ ông Mai Văn T6, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1160-1173)

28. Chiếm đoạt của anh Huỳnh Phi H số tiền 670.000.000 đồng.

Bùi Thị T nhờ vợ chồng anh Huỳnh Phi H, bà Trần Thị Thu H xin cho con trai bà T là Lê Xuân T đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V. Sau đó, anh H đến nhờ Y xin giúp cho anh T, Y đồng ý và nói chi phí xin đi học là 400.000.000đ. Do khó khăn về kinh tế nên bà T nhờ vợ chồng anh H cho mượn

số tiền trên, ngày 28/8/2015 vợ chồng anh H đến phòng làm việc của Y, tại đây anh H đưa cho Y số tiền 400.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận*”.

Khoảng 20 ngày sau, Y nói với anh H còn 01 suất đi học tại Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V nữa và nói nếu còn ai thì Y xin giúp cho, chi phí cũng là 400.000.000đ nên anh H đã nhờ Y xin cho anh Trần Quốc H (là con trai bà Bùi Thị L) đi học tại Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V. Do khó khăn về kinh tế nên bà L cũng nhờ vợ chồng anh H cho mượn số tiền trên, ngày 20/9/2015 vợ chồng anh H đến phòng làm việc của Y và đưa 400.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy cam đoan, cam kết*” và “*Hợp đồng đặt cọc*”.

Sau thời gian 03 tháng, thấy anh Quốc H không có quyết định đi học nên anh H đến hỏi thì Y đưa ra nhiều lý do để trì hoãn; anh H đòi lại tiền thì Y nhờ anh Y Bình N, sinh năm 1983, trú tại Tp B đưa trả lại cho anh H nhiều lần với tổng số tiền là 130.000.000đ, số tiền còn lại là 670.000.000đ Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1174-1218)

29. Chiếm đoạt của anh Y Thi M số tiền 300.000.000 đồng.

Tháng 8/2015, thông qua ông YT thì anh Y T M biết Y; khi nghe Y nói có khả năng xin đi học tại Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, với chi phí là 300.000.000đ thì Y T nói lại với anh trai là Y Thi. Sau đó, ông Y Thi nhờ anh Y T nói với Y xin cho con trai là Nguyễn Y Dương M được đi học. Ngày 29/8/2015, ông Y Thi cùng anh Y T đến phòng làm việc của Y và đưa cho Y 300.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy cam đoan*” thể hiện số tiền, hẹn đến tháng 11/2015 anh Y Dương có quyết định đi học.

Số tiền 300.000.000đ nhận từ ông Y Thi M, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1219-1231)

30. Chiếm đoạt của vợ chồng anh Nguyễn Thanh H, chị Từ Thị Lan H số tiền 1.270.000.000 đồng.

Do có nhu cầu xin cho con trai là cháu Nguyễn Thành Đ vào học tại trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, nên ngày 01/9/2015, tại phòng làm việc của Y, chị Từ Thị Lan H đưa cho Y số tiền 450.000.000đ, thấy hoàn cảnh của chị H khó khăn nên Y đưa lại cho chị H số tiền 30.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận*” thể hiện số tiền nhận là 420.000.000đ.

Ngày 06/9/2015, Y điện thoại cho chị H nói còn 01 suất vào biên chế trong Công an tỉnh Đắk Lắk, chi phí là 450.000.000đ; chị H đã nhờ Y xin cho cháu là Nguyễn Văn H vào biên chế này. Ngày 17/10/2015, anh H, chị H đến phòng làm việc của Y và chị H đưa cho Y số tiền 450.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận*” thể hiện số tiền đã nhận.

Trong thời gian chờ đợi quyết định của Đ và HH thì anh H, chị H tiếp tục nhờ Y xin cho con gái là Nguyễn Thị Kim O được vào công tác trong ngành Công an, Y nói chi phí xin việc là 400.000.000đ. Ngày 28/01/2016, anh H, chị H đến phòng làm việc của Y và đưa cho Y số tiền 320.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy nhận tiền*”; ngày 28/02/2016, Y đến nhà vợ chồng anh H lấy 80.000.000đ còn lại nhưng không viết giấy tờ gì.

Số tiền 1.270.000.000đ nhận từ vợ chồng anh Nguyễn Thanh H, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1232-1264)

31. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Đức A số tiền 370.000.000 đồng.

Do chị Huỳnh Thị H nói với anh Nguyễn Đức D là Y có khả năng xin được cho anh D đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V nên ngày 05/9/2015, anh D cùng bố là ông Nguyễn Đức A đến Phòng PC64 Công an tỉnh Đắk Lắk gặp chị H và chị H dẫn đến phòng làm việc của Y; tại đây, Y nhận lời xin cho anh D được đi học, ông A đã đưa cho Y số tiền 370.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, hẹn đến tháng 12/2015 anh D có quyết định đi học.

Số tiền 370.000.000đ nhận từ ông Nguyễn Đức A, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1265-1283)

32. Chiếm đoạt của ông Phạm Hồng C số tiền 230.000.000 đồng

Y nhận xin cho anh Phạm Hồng Q vào công tác trong lực lượng Công an tỉnh Đắk Lắk, với chi phí là 350.000.000đ. Ngày 05/9/2015, anh Q cùng bố là ông Phạm Hồng C đến phòng làm việc của Y, tại đây ông C đưa trước cho Y 230.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận*”, hẹn đến tháng 12/2015 anh Quốc có quyết định đi làm.

Số tiền 230.000.000đ nhận từ ông Phạm Hồng C, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1284-1299)

33. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Thanh H số tiền 300.000.000 đồng.

Do nhờ Y xin cho con trai là Nguyễn Hồng Q đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V nên ngày 22/9/2015, ông Nguyễn Thanh H cùng ông Lê Đình T đến phòng làm việc của Y và đưa cho Y 300.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, hẹn đến tháng 12/2015 anh Q có quyết định đi học.

Số tiền 300.000.000đ nhận từ ông Nguyễn Thanh H, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1300-1311)

34. Chiếm đoạt của ông Mạc Sỹ C số tiền 320.000.000 đồng.

Ngày 22/9/2015, ông Mạc Sỹ C gọi điện thoại cho Y nhờ xin cho con trai là Mạc Sỹ Khương đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, Y đồng ý xin

giúp với chi phí là 320.000.000đ. Ngày 24/9/2015, ông C cùng anh K đến phòng làm việc của Y và ông C đưa số tiền 320.000.000đ cho Y, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, hẹn đến tháng 12/2015 anh K có quyết định đi học.

Số tiền 320.000.000đ nhận từ ông Mạc Sỹ C, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1312-1327)

35. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn L số tiền 350.000.000 đồng

Ngày 10/10/2015, ông L nhờ Y xin cho con trai là Nguyễn Văn A đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V thì Y đồng ý với chi phí là 350.000.000đ. Ngày 16/10/2015, tại phòng làm việc của Y, ông L đưa 350.000.000đ cho Y, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, hẹn đến tháng 12/2015 anh A có quyết định đi học.

Số tiền 350.000.000đ nhận từ ông Nguyễn Văn L, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1328-1336)

36. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T số tiền 400.000.000 đồng

Năm 2015, Y nhận xin cho con bà T là Phạm Thái H vào làm việc tại Công an tỉnh Đắk Lắk với chi phí là 400.000.000đ. Ngày 05/11/2015, tại phòng làm việc của Y, bà T đưa cho Y số tiền 400.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, hẹn đến tháng 02/2016 cháu H có quyết định đi làm.

Số tiền 400.000.000đ nhận từ bà Nguyễn Thị T, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1337-1351)

37. Chiếm đoạt của bà Trần Thị H số tiền 350.000.000 đồng

Thông qua ông Trần Hồng L thì bà Trần Thị H biết và nhờ Y xin cho con trai là Lê Quốc T đi học trường Công an. Ngày 12/11/2015, bà H cùng ông L đến phòng làm việc của Y; tại đây, Y nhận xin cho cháu T vào học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V với chi phí là 350.000.000đ, chị H đưa cho Y số tiền 350.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, hẹn đến tháng 12/2015 cháu T có quyết định đi học.

Số tiền 350.000.000đ nhận từ bà Trần Thị H, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1352-1372)

38. Chiếm đoạt của ông Khúc Ka L số tiền 320.000.000 đồng

Ngày 20/9/2015, ông L cùng ông Mạc Sỹ C đến Phòng PC64 Công an tỉnh Đắk Lắk gặp Y để nhờ giúp xin cho con gái của ông L là chị Khúc Thị Cẩm L vào học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, Y đồng ý và đưa ra chi phí xin đi học là 320.000.000đ. Ngày 20/11/2015, ông L cùng ông C đến phòng làm việc của Y và ông L đưa số tiền 320.000.000đ cho Y, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, hẹn đến tháng 12/2015 chị Ly sẽ có quyết định đi học.

Số tiền 320.000.000đ nhận từ ông Khúc Ka L, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1373-1389)

39. Chiếm đoạt của chị Hồ Thị L số tiền 400.000.000 đồng

Đề xin cho em trai là Hồ Vĩnh H vào học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V nên ngày 03/12/2015, chị L và anh H đến Phòng PC64 Công an tỉnh Đắk Lắk gặp Y; tại đây, Y nhận lời xin cho anh H vào học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V với chi phí từ 350.000.000đ đến 400.000.000đ, chị L đã đưa cho Y số tiền 400.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy nhận tiền*”, hẹn đến tháng 02/2016 anh H sẽ có quyết định đi học.

Số tiền 400.000.000đ nhận từ chị Hồ Thị L, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1390-1427)

40. Chiếm đoạt của ông Bùi Kim A số tiền 450.000.000 đồng

Ngày 10/12/2015, ông A cùng ông L và ông Mạc Sỹ C đến phòng làm việc của Y để nhờ xin cho con gái ông A là cháu Bùi Thị Thúy N vào công tác tại Công an tỉnh Đắk Lắk. Khi gặp nhau, Y đồng ý xin cho chị N vào công tác tại Công an tỉnh Đắk Lắk với chi phí là 400.000.000đ, ông A đã đưa cho Y số tiền 400.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, hẹn đến tháng 03/2016 chị N sẽ có quyết định đi làm.

Ngày 18/5/2016, Y gọi điện thoại cho ông A thông báo việc của chị N đã xong, đề nghị đưa thêm số tiền 50.000.000đ, ông A đưa thêm số tiền trên cho Y, khi đưa tiền có viết “*Giấy cam đoan*”, nội dung “*nhận thêm 50tr đồng để lo thủ tục tiếp nhận*”, thời hạn đến tháng 06/2016.

Số tiền 450.000.000đ nhận từ ông Bùi Kim A, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1428-1445)

41. Chiếm đoạt của bà Phạm Thị N số tiền 240.000.000 đồng

Ngày 03/01/2016, bà N cùng chồng là ông Đoàn Văn T đến Phòng PC64 Công an tỉnh Đắk Lắk gặp Y để nhờ xin cho con trai là Đoàn Viết T vào làm việc tại Công an tỉnh Đắk Lắk. Tại phòng làm việc của Y, sau khi trao đổi Y nhận lời xin cho anh Tuấn vào công tác tại Công an tỉnh Đắk Lắk với chi phí là 400.000.000đ. Ngày 06/01/2016, tại phòng làm việc của Y, vợ chồng bà N đã đưa số tiền 400.000.000đ cho Y, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận*”. Ngày 19/02/2016, Y gọi điện thoại nói bà N đưa thêm 40.000.000đ để Y ra Hà Nội nhận quyết định cho anh Tuấn, ngày 20/02/2016 bà N đưa số tiền 40.000.000đ cho Y.

Đến hạn, thấy anh T không có quyết định đi làm nên bà N yêu cầu Y trả lại tiền, ngày 24/5/2016, Y nhờ con gái là chị H trả lại cho vợ chồng bà N số tiền

200.000.000đ; số tiền còn lại là 240.000.000đ, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1446-1463)

42. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H2 số tiền 350.000.000 đồng

Ngày 10/01/2016, bà H cùng ông Trần Hồng L đến Phòng PC64 Công an tỉnh Đắk Lắk gặp Y và nhờ Y xin cho con trai là Nguyễn Ngọc D đi học tại trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V. Y nhận lời nên bà H2 đưa cho Y số tiền 350.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận*”, hẹn đến tháng 01/2016 thì cháu D có quyết định đi học.

Số tiền 350.000.000đ nhận từ bà Nguyễn Thị H2, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1464-1476)

43. Chiếm đoạt của bà Trần Thị Thanh H3 số tiền 370.000.000 đồng

Ngày 10/01/2016, bà H3 cùng ông Trần Hồng L đến Phòng PC64 Công an tỉnh Đắk Lắk gặp Y để nhờ Y xin cho con trai bà H3 là Chế Quang H (*chiến sĩ phục vụ có thời hạn tại Công an tỉnh Quảng Trị*) vào học tại trường Trung cấp Cảnh sát V. Y nhận lời giúp cháu H nên bà H3 đã đưa cho Y số tiền 370.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, hẹn đến tháng 01/2016 thì cháu H có quyết định đi học.

Số tiền 370.000.000đ nhận từ bà Trần Thị Thanh H3, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1447-1493)

44. Chiếm đoạt của chị Trịnh Thị Trà G số tiền 350.000.000 đồng

Đầu tháng 01/2016, chị Trịnh Thị Trà G nhờ Y xin cho cháu là Nguyễn Sỹ H đi học trường Công an. Y đồng ý xin cho H đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V với chi phí là 500.000.000đ. Ngày 12/01/2016, chị G cùng anh Hà Anh T đến phòng làm việc của Y và chị G đưa trước cho Y số tiền 350.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, hẹn đến tháng 03/2016 thì cháu H có quyết định đi học.

Số tiền 350.000.000đ nhận từ chị Trịnh Thị Trà G, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1494-1502)

45. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Trọng T số tiền 550.000.000 đồng

Năm 2015, ông Nguyễn Trọng T quen biết bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1977, trú tại 113 Giải Phóng, phường Tân Thành, TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình quen biết, ông T nhờ bà V xin cho con trai là Nguyễn Trọng D đi học trường Công an; bà V trao đổi lại với ông T là đã nhờ người xin giúp cho anh D đi học Trường Trung cấp An ninh với chi phí là 300.000.000đ. Tháng 9/2015, ông T đưa trước cho bà V số tiền 250.000.000đ, bà V đã đưa số tiền này cho Y để nhờ xin cho anh D đi học.

Sau đó, Y trao đổi với ông T tìm thêm một trường hợp xin đi học nữa, số tiền đưa một lần, sẽ giúp cho cả hai được đi học luôn, chi phí là 300.000.000đ. Ngày 24/02/2016, ông T đưa tiếp cho Y số tiền 300.000.000đ để nhờ xin cho Nguyễn Đình V, trú tại tỉnh Đắk Lắk đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, lần đưa tiền này có viết “*Giấy nhận tiền*”, thể hiện số tiền của cả hai lần đã đưa là 550.000.000 đồng, hẹn đến tháng 03/2016 thì cháu D và V có quyết định đi học

Số tiền là 550.000.000đ nhận từ ông Nguyễn Trọng T, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1503-1523)

46. Chiếm đoạt của bà Ngô Thị Minh C số tiền 450.000.000 đồng

Năm 2016, bà C nhờ Y xin cho con là Nguyễn Đức T vào làm việc tại Công an tỉnh Đắk Lắk. Y nhận lời xin giúp và nói đã xin được một trường hợp vào làm việc tại Công an tỉnh Đắk Lắk nhưng người này không đảm bảo sức khỏe nên sẽ xin cho con của bà C thay thế. Về chi phí xin việc, Y đề nghị: Nếu đưa tiền một lần thì chi phí là 450.000.000đ, nếu đưa hai lần thì đưa trước số tiền 250.000.000đ, một tuần sau đưa tiếp số tiền 250.000.000đ và để cho nhanh thì viết sẵn giấy nhận tiền ở nhà rồi đưa lên phòng làm việc để Y ký nhận. Ngày 01/3/2016, bà C cùng bà Lý và anh T đến phòng làm việc của Y và bà C đã đưa cho Y số tiền 450.000.000đ, Y ký vào “*Giấy nhận tiền*” do bà C viết sẵn.

Số tiền là 450.000.000đ nhận từ bà Ngô Thị Minh C, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1524-1542)

47. Chiếm đoạt của ông Phan T số tiền 500.000.000 đồng

Ngày 20/02/2016, ông Nguyễn Minh Q, trú tại tỉnh Đắk Lắk nói với ông Phan T là ông Dương Văn H, trú tại tỉnh Đắk Lắk là người có mối quan hệ rộng nên nói ông T đến gặp ông H xem có giúp được con ông T là anh Phan Trung P, chiến sỹ nghĩa vụ công tác tại Công an huyện C chuyển chuyên nghiệp trong lực lượng Công an hay không. Ngày 25/02/2016, ông H đến nhà ông T chơi, qua trao đổi ông H đồng ý sẽ tìm người giúp cho anh P ở lại chuyên nghiệp trong lực lượng Công an.

Tại thời điểm trên, chị Nguyễn Thị Tuyết N, trú tại tỉnh Đắk Lắk nói với ông H là ông Mai Văn T6, trú tại Thôn 4, tỉnh Đắk Lắk đang nhờ Y xin cho con trai là Mai Xuân A đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, nên ông H nói với chị N nhờ ông T6 xin giúp cho anh P ở lại chuyên nghiệp. Sau đó, ông T6 gọi điện thoại hỏi thì Y đồng ý giúp cho anh P với chi phí là 550.000.000đ, sau đó ông T6 nói lại nội dung trao đổi với Y thì ông T đồng ý nhờ xin giúp. Ngày 05/3/2016, ông T cùng ông Q và anh P đến quán cà phê Tigôn tại số Tp B gặp chị N, ông T6 và ông H; tại đây, chị N đi về trước, còn ông T6 gọi điện thoại cho Y, thì Y hẹn gặp tại Khách sạn D ở Tp B. Ông T, ông H, anh P và anh T cùng đi

đến Khách sạn D để gặp Y; khi đến thì thấy Y và Y Bình N, sinh năm 1983, trú tại Thôn 6, xã Cư Êbur, Tp B đang ở trong khách sạn; khi anh Y Bình đi ra ngoài, thì Y nói sẽ xin cho anh P được ở chuyên nghiệp trong biên chế Công an tỉnh Đắk Lắk, thời gian từ 04 đến 06 tháng sẽ có quyết định rồi sau đó sẽ cho anh P đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, ông Phan T đồng ý và đã đưa số tiền 500.000.000đ cho Y, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao tiền xin việc vào chuyên nghiệp công an tỉnh Đắk Lắk*”, hẹn 4 đến 6 tháng sẽ có quyết định.

Số tiền 500.000.000đ nhận từ ông Phan T, Y cho ông Mai Văn T6 75.000.000đ (hiện ông T6 đã giao nộp số tiền này cho Cơ quan điều tra) và tiêu xài cá nhân hết. (BL 1543-1596)

48. Chiếm đoạt của ông Phùng Văn T3 số tiền 550.000.000 đồng

Năm 2016, ông Phùng Văn T3 quen với Y. Y nhận xin cho con ông T3 tên là Phùng Văn T vào học Trường Văn hóa 3 Bộ Công an, với chi phí xin đi học là 550.000.000đ, thấy số tiền quá lớn nên ông T3 không nhờ Y xin cho anh T đi học nữa. Khoảng một tháng sau, Y gọi điện thoại cho ông T3 nói xin cho T với chi phí là 300.000.000đ thì ông T3 đồng ý nhờ xin giúp. Ngày 06/3/2016, ông T3 cùng vợ là Nông Thị O đến phòng làm việc của Y và đưa cho Y số tiền 300.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, hẹn đến tháng 8/2016 anh T sẽ có quyết định đi học.

Khoảng 01 tháng sau, ông T3 tiếp tục nhờ Y xin cho con trai là Phùng Văn C vào học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, Y đồng ý và đưa ra chi phí xin đi học là 250.000.000đ. Ngày 23/4/2016, ông T3 cùng bà O đến phòng làm việc của Y và đưa cho Y số tiền 250.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy cam đoan*”, hẹn đến tháng 8/2016 anh Chiến sẽ có quyết định đi học.

Số tiền 550.000.000đ nhận từ ông Phùng Văn T3, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1597-1610)

49. Chiếm đoạt của bà Đinh Thị H1 số tiền 350.000.000 đồng

Năm 2016, Y nhận xin cho con của bà H1 là cháu Đặng Thị Thanh H vào học Trường Văn hóa 3, Bộ Công an với chi phí là 350.000.000đ. Ngày 11/3/2016, bà H1 gặp Y và anh N tại khách sạn C, TP. B; tại đây, bà H1 đưa cho Y số tiền 350.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận*”, hẹn đến tháng 8/2016 cháu H sẽ có quyết định đi học.

Số tiền 350.000.000đ nhận từ bà Đinh Thị H1, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1611-1632)

50. Chiếm đoạt của ông Nông Hữu T2 số tiền 500.000.000 đồng

Năm 2016, ông Nông Hữu T2 có nguyện vọng cho con trai là Nông Tuấn A được vào học tại Trường Văn hóa 3, Bộ Công an. Ông T2 và bà Nông Thị T,

sinh năm 1964, trú tại huyện E có mối quan hệ quen biết từ trước; bà T nói với vợ chồng ông T2 là quen biết Y là người xin được cho Nông Tuấn A vào học Trường Văn hóa 3, nếu vào lớp 10 thì chi phí là 450.000.000đ, vào học lớp 11 thì chi phí là 500.000.000đ. Sau đó, ông T2 và vợ là bà Lãnh Thị N đến nhà bà T đưa trước số tiền 240.000.000đ, khi đưa tiền có viết giấy biên nhận; khoảng 01 tháng sau, bà N đưa tiếp cho bà T số tiền 260.000.000đ nhưng không viết giấy tờ gì. Ngày 15/3/2016, chị N cùng bà T đến khách sạn H tại huyện E, đến nơi bà T vào bên trong phòng gặp và đưa số tiền 500.000.000đ cho Y, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận tiền*”, hẹn đến tháng 8/2016 cháu T sẽ có quyết định đi học.

Số tiền 500.000.000đ của vợ chồng ông Nông Hữu T2, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1633-1658)

51. Chiếm đoạt của ông Nông Trung K2 số tiền 400.000.000 đồng

Tháng 02/2016, thông qua bà Nông Thị T thì ông Nông Trung K2 biết Y là người có khả năng xin vào học Trường Văn hóa 3, Bộ Công an; ông K2 thông tin lại sự việc trên cho chị dâu là bà Hoàng Thị T biết. Do bà T có con trai là anh Nông Hoàng L đang học lớp 10 có nguyện vọng xin vào học Trường Văn hóa 3, Bộ Công an nên bà T nhờ đã bà T dẫn đến gặp Y để nhờ xin giúp; khi gặp nhau, Y đồng ý nhận xin cho Nông Hoàng L vào học trường Văn hóa 3, Bộ Công an, với chi phí 400.000.000đ. Ngày 16/3/2016, ông K2 và bà T đến khách sạn C, TP. B gặp Y và bà T đã đưa cho Y số tiền 400.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, hẹn đến tháng 9/2016 cháu L sẽ có quyết định đi học.

Số tiền 400.000.000đ nhận từ bà Hoàng Thị T, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1659-1672)

52. Chiếm đoạt của vợ chồng anh Nông Tô N số tiền 450.000.000 đồng

Thông qua bà Nông Thị T, Y nhận xin cho cháu Nông Thị Đ là con của vợ chồng anh Nông Tô N và chị Lãnh Thị N vào học Trường Văn hóa 3, Bộ Công an với chi phí là 450.000.000đ. Ngày 30/3/2016, tại khách sạn D, thành phố B chị N đã đưa số tiền 450.000.000đ cho Y, khi đưa tiền có viết “*Giấy biên nhận tiền*”, hẹn đến tháng 8/2016 cháu Đ sẽ có quyết định đi học.

Số tiền 450.000.000đ nhận từ vợ chồng anh Nông Tô N, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1673-1699)

53. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Đại Y số tiền 420.000.000 đồng

Tháng 3/2016, ông Nguyễn Đại Y nhờ Y xin cho chị Nguyễn Thị Thu H là con ông Y vào công tác tại Công an tỉnh Đắk Lắk. Ngày 31/3/2016, ông Y và vợ là bà Nguyễn Thị Thu H cùng chị H và bà Lê Thị L đến phòng làm việc của Y, tại đây ông Y đưa cho Y số tiền 420.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy cam đoan, cam kết*”, hẹn đến tháng 7/2016 chị H sẽ có quyết định đi làm.

Số tiền 420.000.000đ nhận từ ông Nguyễn Đại Y, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1700-1709)

54. Chiếm đoạt của ông Văn Đức G số tiền 400.000.000 đồng

Đầu tháng 4/2016 ông Văn Đức G biết và nhờ Y xin cho anh Văn Đức P là con ông G vào làm việc tại Công an tỉnh Đắk Lắk, Y đồng ý và đưa ra chi phí xin việc là 400.000.000đ. Ngày 05/4/2016, Y đến nhà ông G và ông G đưa cho Y số tiền 400.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy cam đoan, cam kết*”, hẹn đến tháng 7/2016 anh P sẽ có quyết định đi làm.

Số tiền 400.000.000đ nhận từ ông Văn Đức G, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1710-1729)

55. Chiếm đoạt của bà Trần Thị H số tiền 200.000.000 đồng

Bà Trần Thị H có cháu là anh Nguyễn Đức H là Giảng viên Trường Sĩ quan Thông tin, tại tỉnh Khánh Hòa. Năm 2016, thông qua mối quan hệ xã hội bà H biết và nhờ Y xin cho anh H chuyển công tác về Công an tỉnh Đắk Lắk, Y đồng ý và nói chi phí xin chuyển công tác là 200.000.000đ. Ngày 26/4/2016, bà H cùng bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963, trú tại tỉnh Đắk Lắk đến gặp Y tại quán cà phê ở Km3 (*không nhớ tên quán, đối diện Bệnh viện T*), Tp. B, tại đây bà H đưa cho Y số tiền 200.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy cam đoan*”, hẹn đến ngày 10/7/2016 anh H sẽ có quyết định chuyển sang lực lượng Công an.

Số tiền 200.000.000đ nhận từ bà Trần Thị H, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1730-1738)

56. Chiếm đoạt của vợ chồng anh Hoàng Văn V, chị Nông Thị L, trú tại tỉnh Đắk Lắk số tiền 370.000.000 đồng

Tháng 4/2016, thông qua bà Nông Thị T, sinh năm 1964, trú tại xã huyện E thì anh Hoàng Văn V và chị Nông Thị L biết Y; sau khi quen biết, Y nhận xin cho cháu Hoàng Thị Thanh T con của anh V vào học trường Công an, với chi phí là 400.000.000đ. Ngày 29/4/2016, tại khách sạn C, TP. B, vợ chồng anh V đưa trước cho Y số tiền 200.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy cam đoan*”, hẹn đến ngày 25/10/2016 cháu T sẽ có quyết định đi học; ngày 05/5/2016, cũng tại khách sạn C, vợ chồng anh V đưa tiếp cho Y số tiền 170.000.000đ, còn lại 30.000.000đ khi nào cháu T có quyết định đi học sẽ đưa đủ, lần đưa tiền này Y ghi và ký vào phần dưới của “*Giấy cam đoan*” viết vào ngày 29/4/2016.

Số tiền 370.000.000đ nhận từ vợ chồng anh Hoàng Văn V, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1739-1752)

57. Chiếm đoạt của ông Lê Đình T, sinh năm 1966, trú tại TP. B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 80.000.000 đồng

Ông Lê Đình T và Y quen biết nhau từ khi thành lập huyện K, tỉnh Đắk Lắk; tháng 8/2015, Y nhận xin cho con gái ông T là Lê Thị Hoài P vào làm việc tại Phòng Hậu cần kỹ thuật, Công an tỉnh Đắk Lắk với chi phí xin việc là 200.000.000đ, cam đoan 04 tháng chị P sẽ có quyết định đi làm. Ngày 13/8/2015, ông T cùng vợ là bà Nguyễn Thị H đến phòng làm việc của Y và đưa cho Y số tiền 200.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy giao nhận tiền*”, cam đoan 04 tháng chị P sẽ có quyết định đi làm.

Quá hạn, không thấy chị P có quyết định đi làm nên ông T đòi lại tiền thì Y nhờ Y Bình N đưa số tiền 120.000.000đ trả cho ông T; số tiền còn lại là 80.000.000đ, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1753-1766)

58. Chiếm đoạt của ông Trần Hồng L số tiền 330.000.000 đồng và thông qua ông L chiếm đoạt tiền của một số người khác, cụ thể như sau:

Vợ chồng ông Trần Hồng L, bà Lương Thị T có quen biết và nhờ Y xin cho con là Trần Tuấn D đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V (*Chuyên ngành Cảnh sát giao thông*), Y đồng ý và đưa ra chi phí xin đi học là 330.000.000đ. Ngày 08/10/2015, ông L và bà T đến phòng làm của Y rồi đưa cho Y số tiền 330.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy nhận tiền*”, hẹn đến ngày 25/12/2015 cháu D sẽ có quyết định đi học. Số tiền 330.000.000đ nhận từ vợ chồng ông Trần Hồng L, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

Cũng trong thời gian nêu trên, Y nói với ông L là “*ở Gia Lai nếu có ai có nhu cầu xin đi học trường Công an thì giới thiệu để Y xin cho*”. Ông L nói lại sự việc trên với ông Ngô Xuân H, sau đó ông H nói ông L nhờ Y xin cho con trai ông H và 07 trường hợp khác được đi học trường Công an, cụ thể Y đã nhận tiền rồi chiếm đoạt của những người sau thông qua viết giấy biên nhận với Trần Hồng L như sau:

- Chiếm đoạt của ông Ngô Xuân H số tiền 250.000.000 đồng:

Thông qua ông L, ông H nhờ Y xin cho cháu Ngô Thành T con trai ông H được đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V; ông L nói chi phí xin đi học là 370.000.000đ, ông H đồng ý nhưng chỉ đồng ý đưa trước 250.000.000đ, số tiền còn lại là 120.000.000đ khi nào Tiến được đi học sẽ giao đủ. Ngày 11/12/2015, ông L cùng ông H đến phòng làm việc của Y, ông L đưa trước cho Y số tiền 220.000.000đ, có viết “*Giấy biên nhận*” và ngày 18/12/2015 đưa tiếp số tiền 30.000.000đ cho Y. Sau khi nhận số tiền 250.000.000đ, Y không xin cho anh T đi học mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

- Chiếm đoạt của ông Trần Quốc N 310.000.000 đồng:

Cuối năm 2015, ông Trần Quốc N nhờ ông Ngô Xuân H xin cho con là Trần Quốc Tín đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V (*Chuyên ngành*

Cảnh sát giao thông), ông H nói chi phí xin đi học là 420.000.000đ. Sau đó vợ ông N là bà Nguyễn Thị H đưa cho ông H số tiền 420.000.000đ ông H giao lại cho ông L 310.000.000đ, giữ lại 110.000.000đ đợi khi nào có quyết định nhập học cho anh T sẽ đưa đủ, các lần đưa tiền không viết giấy biên nhận. Ngày 12/11/2015, ông L cùng ông H đến phòng làm việc của Y và ông L đưa cho Y số tiền 310.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy nhận tiền*”, hẹn đến ngày 25/12/2015 cháu T sẽ có quyết định đi học. Sau khi nhận tiền, Y không xin cho anh T đi học mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

- Chiếm đoạt của ông Kiều Quang D số tiền 310.000.000 đồng:

Cuối năm 2015, ông Kiều Quang D nhờ ông Ngô Xuân H xin cho con gái là chị Kiều Thị Thảo U đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V (*Chuyên ngành Cảnh sát giao thông*), ông H nói chi phí xin đi học là 450.000.000đ; ông D đưa cho ông H số tiền 450.000.000đ, ông H đưa lại cho ông L 310.000.000đ, các lần đưa tiền đều không viết giấy biên nhận. Ngày 18/12/2015, ông L cùng ông H đến phòng làm việc của Y và ông L đưa cho Y số tiền 340.000.000đ, trong đó 310.000.000đ để nhờ xin cho Uyên, 30.000.000đ là số tiền còn thiếu khi nhờ Y xin cho anh Ngô Thành T (*con của ông Ngô Xuân H*) trước đó, khi đưa tiền có viết số tiền đã nhận vào phần dưới của “*Giấy nhận tiền*” đề ngày 11/12/2015. Sau khi nhận số tiền 310.000.000đ, Y không xin cho chị U đi học mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

- Chiếm đoạt của vợ chồng ông Võ Mạnh C số tiền 310.000.000 đồng:

Tháng 11/2015 vợ chồng ông Võ Mạnh C gặp và nhờ ông Ngô Xuân H xin cho con gái là Võ Thị Thảo T đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V (*Chuyên ngành Cảnh sát giao thông*), ông H nói chi phí xin đi học là 450.000.000đ. Tháng 11/2015, vợ chồng anh C đưa cho ông H số tiền 200.000.000đ, sau đó một thời gian đưa tiếp cho ông H số tiền 250.000.000đ, tổng cộng là 450.000.000đ; sau khi nhận tiền, ông H đưa cho ông L số tiền 370.000.000đ; ngày 25/11/2015, tại phòng làm việc của Y, ông L đưa cho Y số tiền 310.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy nhận tiền*”, thể hiện số tiền nhận là 620.00.000 đồng (trong đó có 310 triệu đồng xin cho trường hợp Đặng Hồng Quân). Sau khi nhận số tiền 310.000.000đ, Y không xin cho cháu T đi học mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

- Chiếm đoạt của ông Đặng Văn T số tiền 310.00.000 đồng:

Năm 2015, thông qua bà Nguyễn Thị T thì ông Đặng Văn T gặp và nhờ ông Ngô Xuân H xin cho con trai là Đặng Hồng Q đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V (*Chuyên ngành Cảnh sát giao thông*), ông H nói chi phí xin đi học là 450.000.000đ. Sau đó, ông T nhiều lần đưa tiền số tiền 300.000.000đ và nhờ chị Tâm giao ông H; ngày 24/11/2015, chị T đưa cho ông

H số tiền 300.000.000đ. Ngày 10/12/2015, anh Tân cùng chị T đưa tiếp cho ông H số tiền 150.000.000đ, ông H viết gộp hai giấy nhận tiền vào một giấy tổng cộng là 450.000.000đ rồi ông H đưa cho ông L số tiền 370.000.000đ. Ngày 25/11/2015, tại phòng làm việc của Y, ông L đưa cho Y số tiền 310.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy nhận tiền*”, thể hiện số tiền nhận là 620.00.000 đồng (trong đó có 310 triệu đồng xin cho trường hợp Võ Thị Thảo T). Sau khi nhận số tiền 310.000.000đ, Y không xin cho anh Q đi học mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

- Chiếm đoạt của Nguyễn Văn H số tiền 200.00.000 đồng:

Ngày 09/01/2016, ông Nguyễn Văn H đưa cho ông Ngô Xuân H số tiền 280.000.000đ để nhờ ông H xin cho con là Nguyễn Quang L đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V. Ngày 10/01/2016, ông L cùng ông H đến phòng làm việc của Y và ông L đưa cho Y số tiền 200.000.000đ. Sau khi nhận số tiền 200.000.000đ, Y không xin cho anh L đi học mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. Khi anh L không được đi học, ông H đã trả cho ông H số tiền 80.000.000đ.

- Thông qua việc xin đi học cho con của bà Bạch Thị L chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ mà ông Ngô Xuân H nhận của một số người nhờ ông H xin đi học nêu trên.

Cuối năm 2015, bà Bạch Thị L nhờ ông Ngô Xuân H xin cho con trai là anh Trần Anh P đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, ông H nói chi phí xin đi học là 400.000.000đ. Bà L đồng ý, nhưng chỉ đưa trước số tiền 60.000.000đ cho ông H, số tiền còn lại sẽ giao đủ khi nào anh P được đi học. Ngày 23/12/2015, ông H cùng với ông L đến phòng làm việc của Y và ông L đưa cho Y số tiền 200.000.000đ (*trong đó gồm 60 triệu là tiền của bà Lý đưa; 140.000.000đ là tiền mà ông Trần Quốc Nghị và chị Võ Thị Cẩm T đã cho ông H trước đó*). Sau khi nhận số tiền trên, Y không xin cho anh P đi học mà chiếm đoạt số tiền này. Khi anh P không được đi học, bà L đòi lại tiền thì ông H đã trả lại số tiền 60.000.000đ cho bà L, hiện nay bà L không có yêu cầu gì đối với ông H.

- Thông qua việc xin đi học cho cháu của chị Võ Thị Cẩm T chiếm đoạt số tiền 310.000.000đ mà ông Ngô Xuân H nhận từ một số người nhờ ông H xin đi học nêu trên.

Cuối năm 2015, chị Võ Thị Cẩm T đưa cho ông Ngô Xuân H số tiền 402.000.000đ để nhờ ông H xin cho cháu của chị T là Lê Thế D đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V (*Chuyên ngành Cảnh sát giao thông*). Sau đó, ông H đưa cho ông L số tiền 310.000.000đ; ngày 13/11/2015, ông L cùng ông H đến phòng làm việc của Y, ông L đưa cho Y số tiền 310.000.000đ. Sau khi nhận

tiền từ ông L, Y không xin cho cháu D đi học và chiếm đoạt số tiền 310.000.000đ từ ông L. Đến hẹn, anh D không được đi học nên ông H đã dùng số tiền 402.000.000đ đang giữ của một số người xin việc nêu trên để trả cho chị T, hiện chị T không có yêu cầu gì đối với ông H.

59. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Mạnh A số tiền 250.000.000đ

Khoảng tháng 01/2016 Nguyễn Mạnh A (*là bố vợ anh Hà Anh T*) biết và nhờ Y xin cho con trai ông An là Nguyễn Nhật P vào công tác tại Công an tỉnh Đắk Lắk, Y đồng ý xin giúp với chi phí xin việc là 300.000.000đ. Ngày 17/01/2016, ông A cùng vợ là bà Nguyễn Thị M và anh T đến phòng làm việc của Y rồi đưa cho Y số tiền 250.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy nhận tiền*”, hẹn đến ngày 15/3/2016 anh T có quyết định đi làm. Số tiền 250.000.000đ nhận từ vợ chồng ông Nguyễn Mạnh A, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 1868-1880)

60. Chiếm đoạt của bà Lê Thị Đ số tiền 350.000.000 đồng

Tháng 01/2016, bà Đ nhờ Y xin cho con trai là Hồ Văn S được đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, Y nhận lời xin giúp với chi phí là 350.000.000đ. Ngày 26/01/2016, tại Phòng làm việc của Y, bà Đ đưa cho Y số tiền 350.000.000đ, khi đưa tiền có viết có viết “*Giấy biên nhận và cam kết*”, hẹn đến tháng 3/2016 cháu S sẽ được nhập học. Số tiền 350.000.000đ nhận từ bà Lê Thị Đ, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 16/4/2018, bà Lê Thị Đ gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk “*Đơn xin rút đơn tố giác tội phạm*” (Có xác nhận của chính quyền địa phương), nội dung Đơn: “... *xin rút lại đơn tố cáo và không yêu cầu Y phải trả lại số tiền 350 triệu đồng cho bà nữa*”. (BL 2147-2162)

61. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Sanh N số tiền 300.000.000đ

Khoảng cuối tháng 10/2015 ông Nguyễn Sanh N biết và nhờ Y xin cho con trai là Nguyễn Quốc P đi học Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V, Y nhận lời xin giúp với chi phí là 300.000.000đ. Ngày 30/10/2015, ông Mai Văn T6 cùng ông N đến phòng làm việc của Y và ông N đưa cho Y 300.000.000đ, khi đưa tiền có viết “*Giấy nhận tiền*”, hẹn đến 30/11/2015 cháu Phong sẽ được nhập học. Số tiền 300.000.000đ nhận từ ông Nguyễn Sanh N, Y chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. (BL 2162-2173)

Tại Kết luận giám định số 456 ngày 20/7/2016; số 559 ngày 16/9/2016; số 794 ngày 11/2/2017; số 316 ngày 17/6/2017; số 314 ngày 16/6/2017; số 569 ngày 27/9/2017; số 682 ngày 28/10/2017; số 735 ngày 14/11/2017; số 304 ngày 24/3/2018 và số 404 ngày 20/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết đúng tên Y trong các tài liệu cần giám định

như: “Giấy biên nhận và cam kết; Giấy nhận tiền; Giấy biên nhận; Giấy giao nhận tiền; Giấy vay tiền ...” so với chữ ký, chữ viết đứng tên Y trong tài liệu mẫu so sánh, là do cùng một người ký và viết ra. (BL 80-108, 2151, 2167)

Như vậy, tổng số tiền mà Y đã chiếm đoạt của các bị hại là 24.324.000.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ ba trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ toàn bộ các vật chứng có liên quan để xử lý theo pháp luật.

Ngày 28/4/2017, anh Đào Đình T7 trú tại tỉnh Đắk Lắk tự nguyện giao nộp số tiền 50.000.000đ (Đây là số tiền mà anh T7 được Y cho khi dẫn ông Lê Đình T5 và bà Lê Thị S1 đến gặp Y nhờ xin đi học cho con của những người này); ngày 30/10/2017 ông Mai Văn T6, trú tại thành phố B tự nguyện giao nộp số tiền 75.000.000đ (Đây là số tiền mà ông T6 được Y cho khi dẫn ông Phan T đến gặp Y nhờ xin đi học cho con của ông T).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HS-ST ngày 30- 8- 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

Tuyên bố:

Bị cáo Y (A) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Y tù Chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/02/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận việc bị cáo Y đã trả lại cho ông Nguyễn Lương Đ 6.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Y hoàn trả cho những người bị hại số tiền như sau:

- Ông Nguyễn Văn T8 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng);

- Ông Nguyễn Tiến L 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng);

- Bà Lê Thị C 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng);

- Ông Nguyễn Phi L 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);

- Ông Lê Tài D 424.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi bốn triệu đồng);

- Bà Phan Thị H 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);
- Ông Nguyễn Ngọc O 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng);
- Ông Nguyễn Hữu N 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Lê Hồng H 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);
- Ông Vũ Văn K 1.380.000.000 đồng (một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng);
- Ông Hoàng Văn K3 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);
- Ông Phạm Văn M1 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Thanh P 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Bà Lê Thị S1 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);
- Ông Lê Đình T5 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Mai Xuân T 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);
- Ông Hoàng Văn T1 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Ngô Văn Đ 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);
- Bà Tăng Thị Diệu L 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);
- Ông Y Thiêm K1 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Y Cha K 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Bà Trần Thị S 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng);
- Bà Võ Thị O1 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);
- Ông Y Riăng M 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);
- Ông Bùi Văn T 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Tiến C 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);
- Ông Trần Văn T4 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);
- Ông Nguyễn Lương Đ 294.000.000 đồng (hai trăm chín mươi tư triệu đồng);
- Ông Mai Văn T6 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);
- Ông Huỳnh Phi H 670.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi triệu đồng);
- Ông Y Thi M 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);
- Ông Nguyễn Thanh H, bà Từ Thị Lan H 1.270.000.000 đồng (một tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng);

- Ông Nguyễn Đức A 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng);
- Ông Phạm Hồng C 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Thanh H 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);
- Ông Mạc Sỹ C 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Văn L 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);
- Bà Nguyễn Thị T 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng);
- Bà Trần Thị H 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Khúc Ka L 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng);
- Bà Hồ Thị L 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng);
- Ông Bùi Kim A 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng);
- Bà Phạm Thị N 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng);
- Bà Nguyễn Thị H2 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);
- Bà Trần Thị Thanh H3 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng);
- Bà Trịnh Thị Trà G 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Trọng T 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng);
- Bà Ngô Thị Minh C 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Phan T 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);
- Ông Phùng Văn T3 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng);
- Bà Đinh Thị H1 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Nông Hữu T2 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);
- Ông Nông Trung K2 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng);
- Ông Nông Tô N 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Đại Y 420.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi triệu đồng);
- Ông Văn Đức G 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng);
- Bà Trần Thị H 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);
- Ông Hoàng Văn V, bà Nông Thị L 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng);
- Ông Lê Đình T 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng);

- Ông Trần Hồng L 2.530.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Mạnh A 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Sanh N 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Tổng số tiền bị báo phải trả cho những người bị hại là **23.968.000.000 đồng** (hai mươi ba tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm cũng đã tuyên xử về lãi suất do chậm trả, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, thì bị cáo Y kháng cáo cho rằng mức hình phạt tù chung thân mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử đối với bị cáo là quá nặng nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Những người bị hại bao gồm: ông Trần Văn T4, ông Nguyễn Mạnh A, bà Đinh Thị H1, bà Võ Thị O1, bà Từ Thị Lan H và ông Nguyễn Thanh H, bà Ngô Thị Minh C, ông Nguyễn Ngọc O, bà Võ Thị H2, bà Trần Thị S, ông Lê Tài D, ông Nông Tô N, ông Hoàng Văn K3 và bà Lục Thị T, ông Mạc Sỹ C, ông Phùng Văn T3 và bà Nông Thị O, ông Khúc Ka L, ông Nông Trung K2, ông Nông Hữu T2, ông Y Riăng M, ông Hoàng Văn T1, bà Vi Thị Mây, ông Y Thiêm K1, ông Y Cha K, ông Nguyễn Văn L, ông Lê Đình T5, bà Lê Thị S1, ông Phan T kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm (Theo Thông báo 20 Bút lục 2578).

Ngoài ra, có 02 đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H2 và bà Trần Thị Thanh H3 đề ngày 02/10/2018 đã quá thời hạn kháng cáo do pháp luật quy định. Đơn kháng cáo của bà Phan Thị C là người không có quyền kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã có văn bản trả lời. Tuy nhiên, nội dung kháng cáo của bà H2, bà H3 và bà C thì cũng giống nội dung kháng cáo của những người bị hại có kháng cáo trong vụ án này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Y và toàn bộ những người bị hại giữ nguyên kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Y, luật sư Phạm Hàn L trình bày: Việc xét xử bị cáo Y về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tuy nhiên, xét điều kiện nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như đã trình bày và đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Nhưng vẫn xử phạt bị cáo ở khung hình phạt cao nhất “Tù chung thân” là quá nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa Bản án hình sự sơ thẩm, giảm hình phạt xuống tù có thời hạn đối với bị cáo.

Bị cáo Y cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án hình sự sơ thẩm, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, làm rõ trong số tiền bị cáo chiếm đoạt, bị cáo đã đưa khoảng 15.000.000.000 đồng cho 14 người, bị cáo đã khai báo nhưng chưa được Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk điều tra, làm rõ.

Những người bị hại có kháng cáo trình bày tập trung vào các nội dung sau: Đề nghị điều tra về tài sản của bị cáo, xem xét kiến nghị hủy Quyết định cho bị cáo Y ly hôn với bà Trương Thị H4 vì có dấu hiệu ly hôn để tẩu tán tài sản, xem xét về những tài sản của bị cáo để đảm bảo việc thi hành án, việc tịch thu sung công quỹ số tiền 125.000.000đ trong vụ án này là không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa người bị hại ông Phạm Văn M1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngoài ra, một số ý kiến trình bày cho rằng Bản án hình sự sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm nên yêu cầu hủy Bản án hình sự sơ thẩm.

Ông Vũ Trọng T luật sư bảo vệ cho ông Phùng Văn T3 và bà Nông Thị O trình bày: Vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, bị cáo khai đã sử dụng số tiền chiếm đoạt đưa cho một số người khác, nhưng quá trình điều tra chưa làm rõ tiền bị cáo đã chiếm đoạt sử dụng làm gì? Đưa cho ai? Chưa làm rõ trách nhiệm liên đới của bà Trương Thị Hoà, đề nghị hủy Bản án hình sự sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu: Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất hành vi và hậu quả của bị cáo Y, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên phần Quyết định về hình phạt Tù chung thân của Bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Đối với nội dung kháng cáo của những người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo sửa lại Bản án Hình sự sơ thẩm phần Quyết định xử lý vật chứng tịch thu sung công quỹ 125.000.000đ. Áp dụng các Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 để trả lại cho những người bị hại. Còn lại các nội dung kháng cáo khác không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

{1}. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2012 đến tháng 8/2016, bị cáo Y là người không có trách nhiệm, quyền hạn gì trong việc tuyển dụng, bổ nhiệm cho những người có nhu cầu xin đi học, xin việc làm nhưng bị cáo đã lợi dụng các chức vụ Phó trưởng phòng Kỹ thuật nghiệp vụ (PA71) và Phó trưởng phòng

Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (PC64) thuộc Công an Tỉnh Đắk Lắk để đưa ra những thông tin không đúng, như bản thân bị cáo là Thượng tá Công an, Phó trưởng phòng có đủ điều kiện xin đi học, xin việc làm cho những người có nhu cầu, để bố, mẹ hoặc người thân của họ tin là thật nên nộp hồ sơ và đưa tiền cho bị cáo. Theo Bản án sơ thẩm, bị cáo đã lừa đảo 61 người, chiếm đoạt số tiền 24.324.000.000đ, bị cáo Y đã bị TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 và xử phạt bị cáo Y mức án Tù chung thân.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và luận cứ bào chữa của Luật sư đối với bị cáo Y, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì trường hợp lừa đảo để chiếm đoạt tài sản từ 02 tỷ đồng trở lên có mức án từ 12 năm đến 20 năm tù hoặc tù chung thân. Trong lúc hành vi của bị cáo Y có tang số chiếm đoạt lên đến 24.324.000.000đ (*hai mươi bốn tỷ ba trăm hai mươi bốn triệu đồng*), quá trình điều tra theo Bản án hình sự sơ thẩm, bị cáo chỉ hoàn trả được 06 triệu đồng cho một người bị hại (ông Nguyễn Lương Đ) là một tỉ lệ quá nhỏ so với số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Xét thấy, tuy nhân thân bị cáo tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Bản án hình sự sơ thẩm đã áp dụng như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại; là người dân tộc thiểu số; bản thân bị cáo là thương binh và có nhiều thành tích trong chiến đấu; gia đình bị cáo có công cách mạng, nhưng với hậu quả nêu trên là quá đặc biệt nghiêm trọng, ảnh hưởng rất lớn đến tình hình trật tự trị an xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của rất nhiều người, làm cho đời sống của rất nhiều người bị hại gặp khó khăn, gây ảnh hưởng rất lớn đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Đặc biệt bản thân bị cáo là một sĩ quan Công an, nắm rõ pháp luật nhưng đã lợi dụng chức vụ, địa vị của mình để lừa đảo gây ảnh hưởng lớn đến uy tín, danh dự của Ngành công an cũng như niềm tin của nhân dân. Sau khi phạm tội, bản thân bị cáo cũng như gia đình không hề có biện pháp gì khắc phục, bồi thường hoàn trả tài sản cho những người bị hại. Việc bị cáo có đưa cho ông Nguyễn Lương Đ số tiền 06 triệu đồng khoản tiền này là tiền bị cáo cho lại ông Đ để chi phí xăng xe, chứ cũng không phải là khoản tiền bồi thường, khắc phục hậu quả sau khi phạm tội, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 là chưa chính xác.

Hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của bị cáo Y đã bị TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015), xử phạt bị cáo Y mức án Tù chung thân là tương xứng, đúng tính chất hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, việc xét xử đã đúng người, đúng tội và đúng pháp

luật. Tại phiên toàn phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần giữ nguyên mức hình phạt *Tù chung thân* của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Y.

{2}.Xem xét kháng cáo của những người bị hại bao gồm: ông Trần Văn T4, ông Nguyễn Mạnh A, bà Đinh Thị H1, bà Võ Thị O1, bà Từ Thị Lan H và ông Nguyễn Thanh H, bà Ngô Thị Minh C, ông Nguyễn Ngọc O, bà Võ Thị H2, bà Trần Thị S, ông Lê Tài D, ông Nông Tô N, ông Hoàng Văn K3 và bà Lục Thị T, ông Mạc Sỹ C, ông Phùng Văn T3 và bà Nông Thị O, ông Khúc Ka L, ông Nông Trung K2, ông Nông Hữu T2, ông Y Riăng M, ông Hoàng Văn T1, bà Vi Thị Mây, ông Y Thiêm K1, ông Y Cha K, ông Nguyễn Văn L, ông Lê Đình T5, bà Lê Thị S1, ông Phan T.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Đối với nội dung kháng cáo liên quan đến việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử lý vật chứng tịch thu sung công số tiền 125.000.000đ (trong đó, thu giữ của ông Mai Xuân T (75.000.000đ) và ông Đào Đình T7 (50.000.000đ). Xét thấy đây là khoản tiền nằm trong số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các người bị hại và được Cơ quan điều tra thu giữ làm vật chứng của vụ án. Số tiền này lẽ ra cần phải áp dụng Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015), Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, để trả lại cho những người bị hại. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên xử tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền nói trên là không đúng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần chấp nhận kháng cáo của những người bị hại, sửa Bản án hình sự sơ thẩm trả lại cho những người bị hại. Do đây là khoản tiền nằm trong tang số chung của vụ án nên cần chuyển cho Cơ quan thi hành án dân sự để đảm bảo việc thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Đối với nội dung kháng cáo cho rằng bị cáo Y có hành vi tẩu tán tài sản xuất phát từ việc cho bị cáo Y ly hôn với vợ là bà Trương Thị H4 nên những người bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử kiến nghị hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn số: 355/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2016 giữa nguyên đơn là Y, bị đơn là bà Trương Thị H4 của TAND thành phố Buôn Ma Thuộc. Nhận thấy rằng: Tại Quyết định nêu trên của TAND thành phố Buôn Ma Thuộc là Quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, không thuộc thẩm quyền xem xét của Hội đồng xét xử phúc thẩm. Mặt khác, về nội dung Quyết định nêu trên không giải quyết về quan hệ tài sản, hai bên đương sự chỉ tự thỏa thuận về quan hệ tình cảm. Do vậy, không có căn cứ cho rằng khi giải quyết ly hôn Tòa án đã chia tài sản chung của vợ chồng cho bà Trương Thị H4.

Đối với việc kháng cáo yêu cầu hủy Bản án để yêu cầu điều tra lại về số tiền bị cáo Y chiếm đoạt được của những người bị hại, bị cáo đã sử dụng làm gì? Để đâu?, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng quá trình điều tra cơ quan điều tra đã xác minh, thu thập liên quan các nội dung này đồng thời cũng đã áp dụng đầy đủ các biện pháp tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng không làm rõ được, vì vậy, không có căn cứ hủy Bản án hình sự sơ thẩm. Việc tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có khai đã sử dụng số tiền chiếm đoạt được để tiêu xài cá nhân và đưa cho một số người khác, nhưng bị cáo trình bày không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét kiến nghị Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiếp tục điều tra việc bị cáo khai đã sử dụng tiền chiếm đoạt để đưa cho một số người khác, trường hợp làm rõ được thì sẽ xử lý theo một vụ án khác.

Đối với yêu cầu tách riêng số tiền mà ông Mai Xuân Tiến và ông Đào Đình T7 giao nộp để trả lại cho ông Lê Đình T5, bà Lê Thị S1. Xét thấy như đã nhận định vụ án có nhiều người bị hại, số tiền nói trên là vật chứng nằm trong tang số chung của vụ án được thu giữ qua điều tra, cần giữ lại để đảm bảo thi hành án cho tất cả những người bị hại trong vụ án theo Luật thi hành án dân sự. Do vậy, không thể giải quyết theo yêu cầu của ông T5, bà Sâm.

Về trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét buộc bị cáo bồi thường lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho tất cả những người bị hại theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với các Quyết định khác về bồi thường thiệt hại, án phí hình sự, dân sự sơ thẩm của Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2018/HS-ST ngày 30/8/2018 của TAND tỉnh Đắk Lắk, cần được giữ nguyên.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điểm a, b khoản 1, Điều 355; Điều 356; Điểm d Khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của những người bị hại về phần Xử lý vật chứng đối với số tiền: 125.000.000đ tại Bản án hình sự sơ thẩm, không chấp nhận các nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Y và các nội dung kháng cáo khác của những người bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điểm a Khoản 4 Điều 139; Điểm p, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 1, Khoản 3

Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều x Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Y “Tù chung thân” về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/02/2017.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận việc bị cáo Y đã trả lại cho ông Nguyễn Lương Đ 6.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Y hoàn trả cho những người bị hại số tiền như sau:

- Ông Nguyễn Văn T8 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng);
- Ông Nguyễn Tiến L 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng);
- Bà Lê Thị C 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Phi L 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);
- Ông Lê Tài D 424.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi bốn triệu đồng);
- Bà Phan Thị H 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);
- Ông Nguyễn Ngọc O 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng);
- Ông Nguyễn Hữu N 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Lê Hồng H 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);
- Ông Vũ Văn K 1.380.000.000 đồng (một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng);
- Ông Hoàng Văn K3 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);
- Ông Phạm Văn M1 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Thanh P 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Bà Lê Thị S1 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);
- Ông Lê Đình T5 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Mai Xuân T 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);
- Ông Hoàng Văn T1 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Ngô Văn Đ 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Bà Tăng Thị Diệu L 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);
- Ông Y Thiêm K1 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Y Cha K 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Bà Trần Thị S 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng);
- Bà Võ Thị O1 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);
- Ông Y Riăng M 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);
- Ông Bùi Văn T 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Tiến C 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);
- Ông Trần Văn T4 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);
- Ông Nguyễn Lương Đ 294.000.000 đồng (hai trăm chín mươi tư triệu đồng);
- Ông Mai Văn T6 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);
- Ông Huỳnh Phi H 670.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi triệu đồng);
- Ông Y Thi M 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);
- Ông Nguyễn Thanh H, bà Từ Thị Lan H 1.270.000.000 đồng (một tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Đức A 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng);
- Ông Phạm Hồng C 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Thanh H 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);
- Ông Mạc Sỹ C 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Văn L 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);
- Bà Nguyễn Thị T 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng);
- Bà Trần Thị H 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Khúc Ka L 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng);
- Bà Hồ Thị L 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng);
- Ông Bùi Kim A 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng);
- Bà Phạm Thị N 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng);
- Bà Nguyễn Thị H2 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);
- Bà Trần Thị Thanh H3 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng);
- Bà Trịnh Thị Trà G 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Ông Nguyễn Trọng T 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng);
- Bà Ngô Thị Minh C 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Phan T 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);
- Ông Phùng Văn T3 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng);
- Bà Đinh Thị H1 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Nông Hữu T2 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);
- Ông Nông Trung K2 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng);
- Ông Nông Tô N 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Đại Y 420.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi triệu đồng);
- Ông Văn Đức G 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng);
- Bà Trần Thị H 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);
- Ông Hoàng Văn V, bà Nông Thị L 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng);
- Ông Lê Đình T 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng);
- Ông Trần Hồng L 2.530.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Mạnh A 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Sanh N 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Tổng số tiền bị báo phải trả cho những người bị hại là **23.968.000.000 đồng** (Hai mươi ba tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng bị cáo Y không trả hoặc trả không đầy đủ thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại số tiền 125.000.000đ (*Một trăm hai mươi lăm triệu đồng*) cho những người bị hại trong vụ án. Những nội dung còn lại trong phần xử lý vật chứng giữ nguyên như Bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tiếp tục điều tra, làm rõ việc bị cáo khai tại phiên tòa phúc thẩm có đưa một số tiền khoảng 15.000.000.000,đồng (*Mười lăm tỷ đồng*) do bị cáo đã chiếm đoạt cho một số người khác là những ai? Để xem xét xử lý theo đúng quy định pháp luật.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Y phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về án phí dân sự, hình sự sơ thẩm và phần xử lý vật chứng mà cấp phúc thẩm không sửa, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- T.H.A hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu trữ, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi